

**BỘ NỘI VỤ
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
TS. NGUYỄN NGỌC HIẾN

**XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ, CÔNG
CHỨC VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN
ĐẠI HOÁ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Bùi Thế Vĩnh
Mã số: 2001-54-058

HÀ NỘI, 2003

5277

2005-44-199

28/04/2005

BỘ NỘI VỤ
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ
MÃ SỐ: 2001-54-058

**XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIỆT NAM
TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ,
HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

ĐỀ TÀI NÀY THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU:
**"CÁC GIẢI PHÁP THúc ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở VIỆT
NAM" DO TS. NGUYỄN NGỌC HIẾN CHỦ NHIỆM**

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. BÙI THẾ VINH

CÁC THÀNH VIÊN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

- 1. TS. LÊ THANH BÌNH**
- 2. TS. PHẠM KIÊN CƯỜNG**
- 3. Ths. VŨ VĂN THÀNH**
- 4. Ths. NGUYỄN ĐỨC MẠNH**
- 5. Ths. NGUYỄN THỊ CHÂM**
- 6. Cn. PHAN THỊ YẾN**

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Chương I NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHẠM TRÙ ĐẠO ĐỨC	5
I.1. Khái niệm đạo đức	5
I.2. Chức năng đạo đức	8
I.3. Quan hệ phạm trù đạo đức với chính trị, pháp luật, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo	11
I.4. Các loại hình đạo đức	25
I.4.1. Đạo đức cách mạng	25
I.4.2. Đạo đức công chức	28
I.4.3. Đạo đức thầy thuốc	34
I.4.4. Đạo đức nhà giáo	42
I.4.5. Đạo đức nhà báo	46
Chương II ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ CÔNG CHỨC TỪ NHỮNG CHỈ DẪN CỦA C. MÁC-- PH. ĂNG - GHEN ĐẾN V.I LÊ - NIN VÀ HỒ - CHÍ- MINH	50
II.1. Những chỉ dẫn của C.Mác- Ph. Ang- ghen	50
II.2. Những chỉ dẫn của V.I Lê- nin	62
II.3. Tư tưởng Hồ-Chí-Minh về đạo đức cán bộ, công chức	79
Chương III THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁN BỘ CÔNG CHỨC TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ	98
III.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ công chức Việt Nam	98
III.1.1. Khái quát đội ngũ cán bộ công chức	98
III.1.2. Thực trạng về đạo đức cán bộ công chức hiện nay	102
III.1.3. Xây dựng đạo đức cán bộ công chức- một đòi hỏi khách quan của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế	109
III.2. Những giải pháp xây dựng đạo đức cán bộ công chức	117

III.2.1. Xây dựng tiêu chuẩn đạo đức cán bộ công chức Việt Nam trong điều kiện CNH,HDH và hội nhập quốc tế	117
III.2.1.1. Quán triệt những đặc trưng trong hoạt động của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước	119
III.2.1.2. Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành những chuẩn mực đạo đức cán bộ công chức Việt Nam	122
III.2.1.3. Xác định hệ thống các tiêu chuẩn đạo đức cán bộ công chức	125
III.2.1.4. Hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ công chức	127
III.2.1.5. Xây dựng quy chế làm việc khoa học	128
III.2.2. Thừa kế có chọn lọc những kinh nghiệm gắn đạo đức với việc đào tạo, bổ nhiệm, sử dụng quan chức trong các thời kỳ phong kiến nước ta	129
III.2.3. Vận dụng kinh nghiệm nước ngoài, thúc đẩy tiến trình luật hoá đạo đức cán bộ công chức nước ta thời kỳ CNH,HDH và hội nhập quốc tế	151
Kết luận	158
Phần phụ lục	160
Danh mục tài liệu tham khảo	223

" ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH, LÀ THỐNG NHẤT, ĐỘC LẬP, HOÀ BÌNH, ẤM NO"

**Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh
Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập
Đảng Cộng sản Việt Nam, năm 1960**

"ĐẠO ĐỨC LÀ GỐC, CỦA CẢI LÀ NGỌN"

Ngạn ngữ Trung Hoa

" TRONG QUÂN ĐỘI, TỶ LỆ GIỮA ĐẠO ĐỨC VÀ TRANG BỊ LÀ 3/1"

Napoleon

LỜI MỞ ĐẦU

Xây dựng đạo đức cán bộ, công chức Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế là một vấn đề được Đảng và nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

Sự quan tâm đặc biệt đó xuất phát từ những căn cứ lý luận và thực tiễn sau:

Thứ nhất, bản chất của nhà nước ta, một nhà nước được xây dựng theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam tự nó đã quy định, đòi hỏi người cán bộ, công chức của đảng và nhà nước phải có đạo đức theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, cán bộ, công chức nhà nước ta là một lực lượng có vị trí, vai trò quyết định trong việc thể hiện và gửi vãng bản chất chính trị của nhà nước. Muốn thể hiện được vị trí và vai trò quyết định đó, người cán bộ công chức phải hội đủ hai yếu tố: đạo đức và tài năng, trong đó yếu tố đạo đức là căn bản.

Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, các cán bộ công chức làm việc trong bộ máy nhà nước đều xuất thân và được tuyển chọn từ trong các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động. Vì thế họ phải là những người có đạo đức vì dân, vì nước, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: mọi cán bộ, công chức đều là công bộc của dân, làm việc phải trung thực, không mưu lợi cá nhân, phải tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, phải công tâm, liêm khiết, trung thành, tận tụy, có trách nhiệm, phải coi đạo đức là gốc, là điều căn bản làm nền tảng cho tài năng.

Ngay trong xã hội phong kiến, ở thời kỳ nào mà có sự hưng thịnh, phát triển là ở thời kỳ đó đạo đức được tôn vinh, thời kỳ đó có vua sáng, tôi hiền, số đông quan lại là những người có đạo đức, biết dựa vào dân, thương dân và chăm lo cho dân, xem việc cai trị thiên hạ là vì thiên hạ. Ở những thời kỳ phong kiến đó, hàng ngũ quan lại đều được đào tạo học hành, thi cử, tuyển chọn kỹ càng, nghiêm ngặt. Xem từ lịch sử, Cụ Phan Chu Trinh đã có lời tổng kết: " Tôi chưa hề thấy hại không trừ mà hưng được lợi, quan không chọn mà trị được dân bao giờ". Còn người Nga thì có câu ngạn ngữ: " Khi kẻ kém đạo đức ở ngôi cao, dân chúng kêu than".

Ở vào thập kỷ 70 và 80 của thế kỷ XX sự phát triển của Nhật Bản đã thu hút thế giới. Đã có nhiều nhà nghiên cứu Châu Âu và Bắc Mỹ tập trung tìm hiểu nguyên nhân phát triển của nước Nhật và họ đều có chung một nhận xét: yếu tố văn hoá và giáo dục của nước Nhật là một trong những nguyên nhân và động lực chính của sự phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản. Họ gọi đó là chủ nghĩa tư bản Khổng giáo. Điều đó có nghĩa là triết lý tư tưởng đạo đức của Khổng giáo đã trở thành nền tảng chính yếu của đạo đức xã hội Nhật Bản. Ở nước Nhật, công chức nhà nước được người dân rất trọng thị, bởi công chức là người được tuyển chọn, được đào tạo hết sức kỹ càng, và họ là người đại diện cho nhà nước và đạo đức xã hội.

Thứ hai, công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước cộng hoà XHCN Việt Nam, thực hiện cải cách hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi phải xây dựng một đội ngũ CBCC gồm đủ đức tài, ngang tầm nhiệm vụ, khắc phục những biểu hiện suy thoái đạo đức của một bộ phận CBCC nhà nước nảy sinh trong giai đoạn thực hiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế.

Sự đòi hỏi người công chức nhà nước phải có đạo đức và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ không phải là yêu cầu có tính đặc thù riêng của một quốc gia nào mà là mục tiêu chung của các nhà nước trên thế giới. Đã có rất nhiều quốc gia khác nhau xây dựng và ban hành luật đạo đức công chức.

Về mặt thực tiễn, đội ngũ cán bộ công chức nước ta vốn xuất thân trong một nước tiểu nông, chậm phát triển về kinh tế xã hội cho nên họ không thể không bị lây nhiễm, bị tác động bởi nếp nghĩ, thói quen phân tán tự do tùy tiện, cục bộ và cá nhân chủ nghĩa, v.v... Trong những năm chiến tranh bảo vệ tổ quốc và thực hiện cơ chế bao cấp, đa số CBCC đã tỏ rõ phẩm chất chính trị, đạo đức và khả năng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Ở các thời kỳ đó, những biểu hiện của nếp nghĩ, thói quen tư hữu của người tiểu nông trong cán bộ công chức tuy có bộc lộ ra ở những mức độ khác nhau, song hậu quả không đến nỗi gây ra những bức xúc, lo ngại cho xã hội. Nhưng sau thời kỳ đổ vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa Liên xô, Đông Âu, và khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển kinh tế hàng hoá thị trường thì những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, sa sút phẩm chất chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ công chức nước ta đã trở thành một thực trạng phức tạp rất đáng lo ngại. Thực trạng đó biểu hiện ở các hiện tượng lạm dụng chức quyền, lợi dụng việc công ức hiếp sách nhiễu, vòi vĩnh nhân dân, tham ô, tham nhũng, quan liêu, cơ hội, lôi bè kéo cánh đấu đá gây mất đoàn kết, coi thường kỷ cương phép nước, chạy chức, chạy quyền, mua bằng, bán cấp, giả mạo giấy tờ, hồ sơ, thậm chí còn móc nối, tiếp tay với những phần tử bất hảo ngoài xã hội để làm ăn bất chính, v.v... Các biểu hiện đó đã có lúc có nơi gây nên những tổn thất to lớn về chính trị, kinh tế, sự ổn định xã hội, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước mà vụ án Năm Cam với sự dính líu của cán bộ công chức nhà nước làm việc ở các cơ quan kinh tế, báo chí, điều tra và bảo vệ pháp luật, v.v... là một ví dụ điển hình.

Kinh nghiệm đổ vỡ phải trả giá đắt của nhiều nước XHCN vào thập kỷ cuối của thế kỷ XX vừa qua và những biểu hiện sa sút về chính trị, tư tưởng đạo đức cán bộ công chức trong bộ máy nhà nước ta trong những năm kinh tế hàng hoá thị trường vừa qua đã cho thấy vấn đề đạo đức trong đời sống xã hội và quan hệ con người, vấn đề đạo đức cán bộ công chức nhà nước thực sự là một vấn đề chính trị, xã hội không thể xem nhẹ.

Có thể nói không quá rằng đạo đức cán bộ công chức có vai trò, ý nghĩa quyết định sự thành bại của công cuộc cải cách hành chính cũng như thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHẠM TRÙ ĐẠO ĐỨC

I.1 khái niệm đạo đức

Đạo đức là sản phẩm của xã hội loài người, được hình thành, phát triển và tồn tại mãi mãi cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Những tư tưởng đạo đức đã xuất hiện cách đây hàng ngàn năm trong triết học Trung quốc, Ấn độ, Hy Lạp cổ đại... và ngày càng được hoàn thiện, phát triển trên cơ sở phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội nối tiếp nhau từ thấp đến cao.

Danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng la tinh là Mos (moris) là lễ thói, tập tục, được thể hiện trong giao tiếp, ứng xử hàng ngày giữa người với người, giữa con người với cộng đồng xã hội và với cả giới tự nhiên.

Ở phương Đông, các học thuyết về đạo đức của người Trung Hoa cổ đại bắt nguồn từ cách hiểu về “đạo” và về “đức” của họ.

“Đạo” là một phạm trù quan trọng – có nghĩa là con đường, đường đi, về sau khái niệm “đạo” được vận dụng trong triết học để chỉ đường sống của con người trong xã hội.

Khái niệm “đức” lần đầu tiên xuất hiện trong Kim văn đời nhà Chu và từ đó được người Trung Hoa dùng để chỉ những đức tính, sự nhân đức,... là sự biểu hiện của “đạo”. “Đạo” trong trường hợp này còn có nghĩa là những nguyên tắc, luân lý.

Như vậy, người Trung Hoa cổ đại coi đạo đức chính là những yêu cầu, những nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà mỗi người phải tuân theo.

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người những năm cuối thế kỷ IXX và trong thế kỷ XX, khái niệm đạo đức đã được các nhà nghiên cứu, các vị lãnh tụ của nhiều quốc gia quan tâm và đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau:

Theo Lênin: “Đạo đức - đó là những gì góp phần phá huỷ xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa”.¹

G. Brandzeladze – nhà đạo đức học Xô viết cho rằng: “Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực biểu hiện sự quan tâm tự nguyện tự giác của những con người trong quan hệ với nhau và trong quan hệ với xã hội nói chung”.²

¹ Mac-Ăngghen-Lênin và Xtalin – Bàn về giáo dục, Nhà xuất bản Sự thật, H. 1976 tr.180..

² G. Brandzeladze. Đạo đức học, tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1985, tr.104.

Bản chất của đạo đức là sự quan tâm tự giác của con người đến lợi ích của nhau và đến lợi ích của xã hội. Khác với hành động bản năng của loài vật, hành vi đạo đức của con người là sự quan tâm tự giác đến hạnh phúc của những người khác – và đó cũng là nét đặc thù của đạo đức.

Các nhà nghiên cứu đạo đức học Việt Nam định nghĩa: *"Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội"*³.

"Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, bao gồm một hệ thống những quan điểm, quan niệm, những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội. Nó ra đời, tồn tại và biến đổi từ nhu cầu của xã hội. Nhờ đó, con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ của xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội"⁴.

Từ các định nghĩa nêu ra trên đây đã cho thấy **một số đặc trưng cơ bản của đạo đức** như sau:

+ Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội, tức là nó bị chi phối bởi điều kiện kinh tế – xã hội lịch sử. Do đó, không thể có một thứ đạo đức vĩnh cửu cho mọi xã hội, mọi thời đại. Đạo đức luôn thay đổi theo sự thay đổi của tồn tại xã hội.

Ph.Ăngghen đã khẳng định rằng: "Chúng quy mọi thuyết đạo đức đã có từ trước tới nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế xã hội lúc bấy giờ"¹.

Trong lịch sử phát triển xã hội loài người từ trước đến nay, đã từng có bao nhiêu thời đại, giai cấp, dân tộc với những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội luật pháp khác nhau thì có bấy nhiêu loại đạo đức khác nhau tương ứng với nó. Đó là cơ sở để giải thích tính thời đại, tính dân tộc và tính giai cấp của đạo đức.

+ Đạo đức là tiêu chuẩn phản ánh mối tương quan giữa lợi ích chung của xã hội và lợi ích riêng của từng người, đồng thời phù hợp với sự phát triển tiến bộ của xã hội loài người.

³ Giáo trình Đạo đức học, Học viện CTQG Hồ-Chí-Minh.

⁴ Trần Hậu Khiêm, Giáo trình đạo đức, Nhà xuất bản CTQG, H,1997, tr12.

¹ Ph.Ăngghen. Chống Duyrinh. NXB Sự thật, Hà Nội, 1960. Tr 161.

Những quy tắc, những chuẩn mực, và cả những phong tục, tập quán... mặc dù được nảy sinh, tồn tại từ lâu đời và có thể được nhiều người trong xã hội thừa nhận và tuân theo, nhưng nếu nó phản ánh lợi ích của một hoặc một nhóm nhỏ các cá nhân trong cộng đồng và mâu thuẫn với lợi ích chung của xã hội, không phù hợp với sự tiến bộ xã hội thì nó cũng không được xem là chuẩn mực đạo đức.

Có thể minh họa điều này như sau: trong những năm 70, 80 của thế kỷ XX, dư luận xã hội lên án, coi là hành vi vô đạo đức, thậm chí bị chính quyền xử phạt đối với người phụ nữ không lấy chồng mà sinh con ngoài giá thú; nhưng ngày nay, do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế – xã hội, vấn đề quyền con người đã được đặt ra với những khía cạnh sâu sắc hơn, dư luận xã hội không những không phê phán phụ nữ độc thân sinh con ngoài giá thú, mà thậm chí pháp luật (Luật hôn nhân và gia đình) còn cho phép phụ nữ có quyền này⁵.

+ Đạo đức được thể hiện ở hành vi đạo đức mang tính tự giác, tính tự nguyện, không vụ lợi và vì lợi ích của người khác

Những hành vi không mang lại bất kỳ một giá trị vật chất hay tinh thần nào cho một cá nhân, một tập thể hay một quốc gia, dân tộc... nào đó, thì cho dù nó được xuất phát từ động cơ nào cũng không được gọi là hành vi đạo đức.

Những hành vi mà cá nhân không ý thức được mục đích của nó (không phải là hành động tự giác) và thực hiện do sự cưỡng bức từ bên ngoài (không tự nguyện) thì cũng không được xem là hành vi đạo đức. Đặc trưng quan trọng của đời sống con người và bản thân tính người (hoặc nhân phẩm) là ở đạo đức và nội dung của đạo đức - đó là năng lực phục vụ tự nguyện, tự giác vì lợi ích của người khác và toàn thể xã hội. Điều này có thể cho thấy rằng, những hành động diễn ra trong trường hợp mà con người chỉ thực hiện nghĩa vụ pháp lý (hoặc làm tròn chức trách được giao) thì mặc dù kết quả của hành động đó như thế nào cũng không được gọi là hành vi đạo đức. Điều này thường xảy ra trong chế độ xã hội người bóc lột người khi mà có những chính sách luật lệ không phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động, nhưng những người thừa hành vẫn phải thực hiện bổn phận, chức trách được giao thì trong trường hợp này, hành vi của những người thừa hành không phải là hành

⁵ Xem Luật Hôn nhân và gia đình, NXB.....